



Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thông tin về Tập đoàn

Quyết định Thành lập số 974/QĐ-TTg

ngày 25 tháng 6 năm 2010

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 0100100008

ngày 29 tháng 1 năm 2015

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được sửa đổi nhiều lần và lần gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100008 ngày 17 tháng 9 năm 2025. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Tài chính (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư) Thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Tiến Trường
Ông Trần Quang Nghị
Ông Cao Hữu Hiếu
Ông Nguyễn Xuân Đông
Bà Lê Ngọc Diệp
Ông Đặng Vũ Hùng
Ông Vũ Hồng Tuấn

Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên (đến ngày 30/6/2026)
Thành viên (đến ngày 30/6/2026)

Cơ quan Tổng Giám đốc

Ông Cao Hữu Hiếu
Ông Nguyễn Song Hải
Ông Phạm Văn Tân
Ông Lê Mạc Thuần
Ông Nguyễn Đức Trí
Ông Phạm Xuân Trình
Ông Nguyễn Hùng Quý
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Giám đốc điều hành
Giám đốc điều hành

Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Thu Hằng
Bà Đoàn Thị Thu Hương
Bà Đặng Thị Hồng Lê
Bà Nguyễn Thanh Lê
Bà Bùi Việt Phương

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Trụ sở đăng ký

25 Phố Bà Triệu, Phường Cửa Nam
Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Báo cáo của Cơ quan Tổng Giám đốc

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Cơ quan Tổng Giám đốc:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 64 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Cơ quan Tổng Giám đốc cho rằng Tập đoàn Dệt May Việt Nam sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Cơ quan Tổng Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Cơ quan Tổng Giám đốc



Cao Hữu Hiếu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2026



Công ty TNHH KPMG
Tầng 46, Keangnam Landmark 72,
Đường Phạm Hùng, Phường Yên Hòa,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông và Hội đồng Quản trị
Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, bao gồm báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam phê duyệt phát hành ngày 28 tháng 8 năm 2026, được trình bày từ trang 5 đến trang 64.

Trách nhiệm của Cơ quan Tổng Giám đốc

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Cơ quan Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện các thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 26-02-00211-26-1



Trương Vĩnh Phúc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 1901-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2026

Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0861-2023-007-1

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND Đã phân loại lại
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 160)	100		2.439.747.869.820	2.855.820.449.404
Tiền	110	9	79.119.329.664	75.898.896.022
Tiền	111		79.119.329.664	75.898.896.022
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.293.476.135.630	1.472.623.514.862
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	10(a)	1.293.476.135.630	1.472.623.514.862
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		710.888.168.062	791.741.308.587
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	11(a)	541.985.390.413	611.355.740.396
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	12	57.943.619.152	19.307.331.846
Phải thu ngắn hạn khác	135	13(a)	113.809.022.497	161.078.236.345
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136		(2.849.864.000)	-
Hàng tồn kho	140	14	332.070.889.313	493.840.298.187
Hàng tồn kho	141		336.538.686.561	501.851.615.922
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		(4.467.797.248)	(8.011.317.735)
Tài sản ngắn hạn khác	160		24.193.347.151	21.716.431.746
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161		6.011.358.318	3.291.008.980
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162		17.500.742.187	16.431.048.737
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	23(a)	681.246.646	1.994.374.029

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND Đã phân loại lại
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260 + 270)	200		5.284.492.081.915	5.081.495.354.225
Các khoản phải thu dài hạn	210		382.871.887.148	387.040.977.003
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	11(b)	41.132.807.732	44.968.533.789
Phải thu dài hạn khác	215	13(b)	341.739.079.416	342.072.443.214
Tài sản cố định	220		575.738.114.620	561.188.582.976
Tài sản cố định hữu hình	221	15	575.495.508.096	560.911.949.708
Nguyên giá	222		1.786.768.351.652	1.723.575.091.151
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.211.272.843.556)	(1.162.663.141.443)
Tài sản cố định vô hình	227	16	242.606.524	276.633.268
Nguyên giá	228		3.128.103.118	3.128.103.118
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.885.496.594)	(2.851.469.850)
Bất động sản đầu tư	240	17	212.456.242.410	217.297.981.596
Nguyên giá	241		220.929.285.987	220.929.285.987
Giá trị hao mòn lũy kế	242		(8.473.043.577)	(3.631.304.391)
Tài sản dở dang dài hạn	250		26.157.704.574	87.688.678.095
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	18	26.157.704.574	87.688.678.095
Đầu tư tài chính dài hạn	260		4.034.122.035.750	3.769.361.426.394
Đầu tư vào công ty con	261	10(b)	2.261.970.629.010	2.191.080.629.010
Đầu tư vào các công ty liên kết	262	10(b)	1.042.840.855.779	1.042.840.855.779
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263	10(b)	39.789.498.900	39.789.498.900
Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264	10(b)	(485.621.757.133)	(561.154.868.131)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265	10(a)	1.175.142.809.194	1.056.805.310.836
Tài sản dài hạn khác	270		53.146.097.413	58.917.708.161
Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	19	53.146.097.413	58.917.708.161
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)	280		7.724.239.951.735	7.937.315.803.629

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 01a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND Đã phân loại lại
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.701.755.901.358	2.105.621.335.511
Nợ ngắn hạn	310		712.015.226.783	1.080.807.494.732
Phải trả người bán ngắn hạn	311	20	56.057.297.522	140.942.062.126
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	21	20.696.308.977	1.385.233.119
Phải trả cổ tức	313	22	520.774.325	150.491.952.225
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	23(b)	2.273.745.548	7.144.603.681
Phải trả người lao động	315		23.526.249.838	24.088.557.157
Chi phí phải trả ngắn hạn	316	24(a)	3.416.235.677	3.372.562.080
Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319		1.800.000.000	1.800.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	320	25	12.226.126.303	13.852.011.722
Vay ngắn hạn	321	26(a)	550.890.352.829	705.362.334.868
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	27	40.608.135.764	32.368.177.754
Nợ dài hạn	330		989.740.674.575	1.024.813.840.779
Chi phí phải trả dài hạn	334	24(b)	8.367.287.040	8.832.136.320
Doanh thu chờ phân bổ dài hạn	337		4.500.000.000	5.400.000.000
Phải trả dài hạn khác	338		6.222.560.550	6.222.560.550
Vay dài hạn	339	26(b)	970.650.826.985	1.004.359.143.909

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 01a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC**ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND Đã phân loại lại
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	28	6.022.484.050.377	5.831.694.468.118
Vốn cổ phần	411	29	5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
Thặng dư vốn	412		30.361.932.352	30.361.932.352
Vốn khác của chủ sở hữu	414	31	561.473.955.588	561.784.993.086
Quỹ đầu tư phát triển	418	30	21.021.222.970	21.021.222.970
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		409.626.939.467	218.526.319.710
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	420a		200.000.000.000	-
- LNST kỳ này/năm nay	420b		209.626.939.467	218.526.319.710
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		7.724.239.951.735	7.937.315.803.629

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

Người lập



Nguyễn Thị Nga
Phó Ban Tài chính Kế toán

Trưởng Ban Tài chính Kế toán



Nguyễn Ngọc Cách
Trưởng Ban Tài chính Kế toán

Người đại diện theo pháp luật



Cao Hữu Hiếu
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B 02a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	34	926.820.053.156	936.671.240.364
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	35	846.346.474.184	878.766.773.386
Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 01 - 11)	20		80.473.578.972	57.904.466.978
Doanh thu hoạt động tài chính	22	36	196.542.735.067	169.956.189.627
Chi phí tài chính	23	37	(32.658.916.952)	73.831.758.195
<i>Trong đó: Chi phí đi vay</i>	24		<i>41.681.579.171</i>	<i>57.485.324.995</i>
Chi phí bán hàng	25	38	21.594.817.093	19.196.451.860
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	39	78.450.749.713	60.648.861.958
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (22 - 23) - (25 + 26)}	30		209.629.664.185	74.183.584.592
Thu nhập khác	31		210.341	861.564.683
Chi phí khác	32		2.935.059	13.600.837
(Lỗ)/lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(2.724.718)	847.963.846
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		209.626.939.467	75.031.548.438
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	41	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		209.626.939.467	75.031.548.438

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

Người lập

 Nguyễn Thị Nga
 Phó Ban Tài chính Kế toán

Trưởng Ban Tài chính Kế toán

 Nguyễn Ngọc Cách
 Trưởng Ban Tài chính Kế toán

Người đại diện theo pháp luật

 Cao Hữu Hiếu
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026
(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		209.626.939.467	75.031.548.438
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		55.342.168.340	51.311.185.790
Các khoản dự phòng (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	03		(76.226.767.485)	1.746.574.453
Lãi từ hoạt động đầu tư, tài chính	04		(1.043.651.415)	8.095.011.769
Chi phí đi vay	05		(193.588.490.991)	(165.646.937.356)
	06		41.681.579.171	57.485.324.995
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		35.791.777.087	28.022.708.089
Giảm, (tăng) các khoản phải thu	09		33.175.247.960	(24.588.010.694)
Giảm hàng tồn kho	10		165.312.929.361	135.104.208.289
Giảm các khoản phải trả	11		(62.851.463.980)	(194.593.277.864)
Giảm, (tăng) chi phí chờ phân bổ	12		3.039.334.063	(1.228.156.175)
			174.467.824.491	(57.282.528.355)
Chi phí đi vay đã trả	14		(42.035.761.396)	(57.354.895.422)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(10.286.361.700)	(7.137.859.585)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		122.145.701.395	(121.775.283.362)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(14.418.763.144)	(30.485.466.190)
Tiền chi cho vay, gửi tiền gửi có kỳ hạn	23		(402.500.000.000)	(615.500.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, rút tiền gửi có kỳ hạn	24		463.089.102.220	436.843.659.075
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(70.890.000.000)	-
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27		239.039.102.858	297.166.588.244
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		214.319.441.934	88.024.781.129
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		646.225.612.730	700.927.396.539
Tiền trả nợ gốc vay	34		(829.871.065.990)	(655.373.458.961)
Cổ tức đã trả	36		(149.971.177.900)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(333.616.631.160)	45.553.937.578
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		2.848.512.169	11.803.435.345
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	9	75.898.896.022	82.985.966.045
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		371.921.473	2.911.944.164
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	9	79.119.329.664	97.701.345.554

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

Người lập

Nguyễn Thị Nga
Phó Ban Tài chính Kế toán

Trưởng Ban Tài chính Kế toán

Nguyễn Ngọc Cách
Trưởng Ban Tài chính Kế toán

Người đại diện theo pháp luật

Cao Hữu Hiếu
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tập đoàn Dệt May Việt Nam (“Tập đoàn”) được thành lập dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 974/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 25 tháng 6 năm 2010.

Căn cứ vào Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 6 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Công ty mẹ, căn cứ vào Công văn số 4085/BTC-TC ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Công Thương về việc bán cổ phần lần đầu, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện việc bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng theo hình thức kết hợp vừa bán bớt một phần vốn Nhà nước, vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ, tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 22 tháng 9 năm 2014. Theo đó, vốn điều lệ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam sau cổ phần hóa là 5.000 tỷ VND, trong đó Nhà nước giữ cổ phần chi phối. Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu ngày 29 tháng 1 năm 2015.

(b) Hoạt động chính

Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nhiệm vụ hoạt động kinh doanh, đầu tư vốn và có toàn quyền quản lý vốn đầu tư trong các công ty con của Tập đoàn để đảm bảo duy trì và phát triển nguồn vốn này, cụ thể như sau:

1. Sản xuất và kinh doanh trong các lĩnh vực sau:

- Công nghiệp dệt may: sản xuất, kinh doanh nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm cuối cùng của ngành dệt may; sản xuất kinh doanh hàng dệt may gồm các chủng loại xơ, sợi, vải, hàng may mặc, dệt kim, chỉ khâu, khăn bông len, thảm, giày tơ, tơ tằm, vải tơ tằm, vải kỹ thuật, vải không dệt, vải trang trí nội thất;
- Gia công, sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy hải sản (sơ chế); đóng gói thực phẩm tươi, thực phẩm sơ chế, thực phẩm khô, bánh mứt các loại;
- Sản xuất kinh doanh nguyên liệu bông xơ; nguyên phụ liệu, bao bì cho sản xuất và chế biến bông; dịch vụ kỹ thuật và kinh doanh các loại giống cây trồng, phân bón và vật tư nông nghiệp khác; sản xuất các chế phẩm sinh học phục vụ cho ngành nông lâm nghiệp; chế biến nông sản; kiểm nghiệm giống bông, giống cây trồng, chất lượng bông xơ;
- Xuất nhập khẩu và kinh doanh thương mại: hàng dệt may, thiết bị phụ tùng ngành dệt may; phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm; hàng công nghệ thực phẩm; nông, lâm, hải sản; thủ công mỹ nghệ; ô tô, xe máy; thiết bị âm thanh, ánh sáng; thiết bị tạo mẫu thời trang; phương tiện vận tải; vật liệu điện, điện tử; phần mềm và thiết bị tin học; cao su; nước uống dinh dưỡng và mỹ phẩm các loại; phụ tùng, máy móc, thiết bị phục vụ công nghiệp; dụng cụ quang học, hệ thống kiểm tra đo lường phục vụ công tác thí nghiệm; phế liệu và thành phẩm sắt, thép và kim loại màu; kinh doanh quần áo và trang thiết bị bảo hộ lao động và các mặt hàng tiêu dùng khác;

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

- Kinh doanh bán lẻ các sản phẩm dệt may và các sản phẩm tiêu dùng khác, gồm: đầu tư xây dựng siêu thị; cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh (kiốt, trung tâm thương mại); cho thuê kho, bãi đậu xe, dịch vụ giữ xe; mua bán hàng dệt may, vật tư công nghiệp và các sản phẩm tiêu dùng khác; bia, rượu, thuốc lá các loại; bán hàng lưu động đã đăng ký trong giấy phép đăng ký kinh doanh;
 - Dịch vụ thi công, lắp đặt hệ thống điện dân dụng, điện lạnh, công nghiệp; tư vấn, thiết kế quy trình công nghệ, bố trí máy móc thiết bị cho ngành công nghiệp dân dụng; tư vấn thiết kế lập các dự án đầu tư trong lĩnh vực dệt may, môi trường; tư vấn giám sát, kiểm tra, đánh giá hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kỹ thuật, thương mại và môi trường; thiết kế, chế tạo thiết bị, linh kiện và lắp đặt hệ thống điện công nghiệp, hệ thống cầu, thang nâng hạ, thang máy sản xuất, kinh doanh sửa chữa, lắp đặt các sản phẩm cơ khí và máy móc thiết bị công nghiệp; thực hiện các dịch vụ thương mại và công việc có tính chất công nghiệp; giám định kiểm tra chất lượng nguyên phụ liệu, hoá chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm dệt may; dịch vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đào tạo nghề dệt may công nghiệp, nghề cơ khí; xuất khẩu lao động Việt Nam; uỷ thác mua bán xăng, dầu; kinh doanh kho vận, kho ngoại quan; thiết kế, thi công xây lắp phục vụ ngành công nghiệp và xây dựng dân dụng; dịch vụ khoa học công nghệ, du lịch, khách sạn, nhà hàng, văn phòng, vận tải, du lịch lữ hành trong nước; tư vấn thiết kế dịch vụ đầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng, dịch vụ ăn uống bình dân, dịch vụ vui chơi giải trí, thể dục thể thao; đại lý bán vé máy bay và đại lý bưu chính viễn thông;
 - Kinh doanh tài chính; hoạt động tài chính, chứng khoán, dịch vụ tài chính khác;
 - Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp và đô thị; kinh doanh bất động sản; kinh doanh phát triển nhà, khu công nghiệp, đô thị; cho thuê nhà xưởng, nhà ở, văn phòng; đầu tư kinh doanh bưu chính viễn thông;
 - Tổ chức hội chợ triển lãm, biểu diễn thời trang trong và ngoài nước; xuất bản, in ấn; và
 - Đầu tư ra nước ngoài; làm đại diện cho các công ty nước ngoài tại Việt Nam.
2. Đầu tư, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, cổ đông, thành viên góp vốn tại các công ty con, công ty liên kết và các đơn vị nhận đầu tư khác.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn Dệt May Việt Nam nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc của Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có các đơn vị hạch toán phụ thuộc sau:

Tên	Thông tin chính
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Nhà máy Sản xuất Vải Yarn Dyed	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An (nay là Sở Tài chính Tỉnh Long An) theo GCNĐKHĐCN số 0100100008-049 ngày 4 tháng 11 năm 2015 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Nhà máy Sợi Vinatex Nam Định	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định (nay là Sở Tài chính Tỉnh Ninh Bình) theo GCNĐKHĐCN số 0100100008-050 ngày 1 tháng 7 năm 2016 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Nhà máy Sợi Vinatex Phú Cường	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai (nay là Sở Tài chính Tỉnh Đồng Nai) theo GCNĐKHĐCN số 0100100008-051 ngày 26 tháng 7 năm 2016 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Trung tâm Phát triển Sản phẩm và Kinh doanh Vinatex	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính Thành phố Hà Nội) theo GCNĐKHĐCN số 0100100008-052 ngày 11 tháng 4 năm 2018 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Nhà máy May Quế Sơn	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam (nay là Sở Tài chính Thành phố Đà Nẵng) theo GCNĐKHĐCN số 0100100008-053 ngày 25 tháng 5 năm 2018 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có 33 công ty con cấp 1, công ty con cấp 2 và công ty con cấp 3 và 29 công ty liên kết (1/1/2026: 33 công ty con cấp 1, công ty con cấp 2 và công ty con cấp 3 và 29 công ty liên kết). Chi tiết về các công ty con cấp 1 và các công ty liên kết trọng yếu được trình bày tại Thuyết minh 10(b).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có 570 nhân viên (1/1/2026: 644 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

Tập đoàn Dệt May Việt Nam cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Kỳ kế toán sáu tháng từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn Dệt May Việt Nam là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

3. Áp dụng hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 99”). Thông tư 99 thay thế hướng dẫn trước đây về Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”) và các thông tư sửa đổi Thông tư 200. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Tập đoàn đã áp dụng các yêu cầu có liên quan của Thông tư 99 kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 trên cơ sở phi hồi tố, có phân loại lại một số chỉ tiêu tương ứng, trừ trường hợp Thông tư 99 có quy định cụ thể khác. Những thay đổi trọng yếu trong các chính sách kế toán của Tập đoàn và ảnh hưởng đối với báo cáo tài chính riêng, nếu có, được trình bày trong các thuyết minh sau của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này:

- Các giao dịch bằng ngoại tệ (Thuyết minh số 4(a));
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh số 4(c)(i));
- Các khoản phải thu (Thuyết minh số 4(d)); và
- Phải trả cổ tức (Thuyết minh 4(l)).

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn Dệt May Việt Nam áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Ngoại trừ các thay đổi do áp dụng Thông tư 99 được trình bày tại Thuyết minh 3, các chính sách kế toán chủ yếu được áp dụng nhất quán với các chính sách kế toán chủ yếu áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2026

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản/bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2026

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn Dệt May Việt Nam thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số dư các khoản tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn mở tài khoản tiền gửi.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Cơ quan Tổng Giám đốc dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu và phải thu về cho vay. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị phân bổ trừ đi dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2026

Lãi phải thu từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi có kỳ hạn và trái phiếu được bao gồm trong khoản mục “Phải thu ngắn hạn khác”.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2026

Lãi phải thu từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi có kỳ hạn và trái phiếu được bao gồm trong khoản mục “Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn”.

Do sự thay đổi trong chính sách kế toán, thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2026 đã được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày của kỳ hiện tại như đã nêu tại Thuyết minh 44.

(ii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn trước cổ phần hóa

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn trước cổ phần hóa được ghi nhận theo giá trị được xác định lại tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần theo quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm c, Khoản 1, Điều 33, Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần (“Nghị định 59”) và Khoản 5, Khoản 6, Điều 1, Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59, cụ thể như sau:

- Giá trị các khoản đầu tư tài chính vào công ty cổ phần đã niêm yết, đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán được xác định theo giá đóng cửa của cổ phiếu giao dịch trên thị trường chứng khoán tại thời điểm gần nhất với thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần.
- Giá trị các khoản đầu tư tài chính vào (i) cổ phiếu của công ty cổ phần đã niêm yết trên thị trường UPCoM mà không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước thời điểm định giá; (ii) cổ phiếu của công ty cổ phần chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán và (iii) các doanh nghiệp khác được xác định trên cơ sở:
 - Tỷ lệ vốn đầu tư của Tập đoàn Dệt May Việt Nam trên vốn điều lệ, vốn cổ phần hoặc tổng số vốn thực góp tại đơn vị nhận đầu tư.
 - Giá trị vốn chủ sở hữu tại đơn vị nhận đầu tư được xác định theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán. Trường hợp chưa kiểm toán thì căn cứ vào giá trị vốn chủ sở hữu theo báo cáo tài chính tại thời điểm gần nhất của đơn vị đó để xác định.
 - Trường hợp giá trị khoản đầu tư tài chính khi xác định lại có giá trị thấp hơn giá trị ghi trên sổ sách kế toán thì được xác định theo giá trị thực tế xác định lại.

Giá trị đánh giá lại như hướng dẫn ở trên được xem là giá gốc ban đầu của các khoản đầu tư khi Tập đoàn Dệt May Việt Nam chuyển thành công ty cổ phần. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Trong trường hợp Tập đoàn Dệt May Việt Nam nhận được cổ tức hoặc lợi nhuận được chia tương ứng với phần tăng thêm do định giá lại khoản đầu tư trong quá trình cổ phần hóa, giá trị khoản đầu tư sẽ được giảm tương ứng với phần cổ tức hoặc lợi nhuận được chia này (Thuyết minh 4(p)(vi)).

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

(iii) *Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn sau cổ phần hóa*

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn sau cổ phần hóa được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

(iv) *Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị mà Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể đối với bên nhận đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư.

(v) *Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác*

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tập đoàn Dệt May Việt Nam có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng tổn thất đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia.

Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập đối với các khoản phải thu quá hạn hoặc được đánh giá là có khả năng không thu hồi được.

Dự phòng cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác quá hạn thanh toán được tính toán dựa trên phân tích tuổi nợ và mức trích lập dự phòng cụ thể như sau:

Tỷ lệ dự phòng

Quá hạn từ 6 tháng – 1 năm	30%
Quá hạn từ 1 – 2 năm	50%
Quá hạn từ 2 – 3 năm	70%
Quá hạn trên 3 năm	100%

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác không quá hạn nhưng được đánh giá là không có khả năng thu hồi dựa trên các bằng chứng sẵn có tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán được trích lập dự phòng theo từng trường hợp cụ thể.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với sản phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	3 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	2 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	2 – 15 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 10 năm.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

(h) Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính như sau:

- quyền sử dụng đất 32 năm
- nhà cửa 5 – 32 năm

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tập đoàn Dệt May Việt Nam không trích khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí chờ phân bổ dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của các hợp đồng thuê đất trong vòng từ 10 đến 50 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn Dệt May Việt Nam nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

(iii) Chi phí sửa chữa, cải tạo

Chi phí sửa chữa, cải tạo bao gồm các chi phí phát sinh cho việc sửa chữa những hư hỏng trong thời gian sử dụng tài sản và cải tạo văn phòng. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iv) Chi phí chờ phân bổ khác

Chi phí chờ phân bổ khác được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn hợp đồng.

(k) Các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả được thể hiện theo giá gốc.

(l) Phải trả cổ tức

Các khoản phải trả cổ tức được ghi nhận tại thời điểm Đại hội đồng cổ đông của Tập đoàn thông qua việc phân phối cổ tức cho cổ đông và nghĩa vụ chi trả của Tập đoàn trở nên vô điều kiện.

(m) Dự phòng

Trừ những khoản dự phòng được định nghĩa ở các chính sách kế toán khác, một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(n) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá.

(ii) Thặng dư vốn

Chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn trong vốn chủ sở hữu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp báo cáo tình hình tài chính cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(v) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

(vi) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập cổ tức từ các cổ phiếu đã được đăng ký và lưu ký tập trung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) được ghi nhận vào ngày đăng ký cuối cùng. Thu nhập cổ tức từ các cổ phiếu chưa được đăng ký tại VSDC được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Khoản cổ tức hoặc lợi nhuận được chia đã sử dụng để định giá lại giá trị khoản đầu tư khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá và tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính mà ghi giảm giá trị khoản đầu tư tài chính (Thuyết minh 4(c)(ii)).

(q) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê không phải thuê tài chính được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính riêng của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(r) Chi phí sản xuất kinh doanh

Chi phí sản xuất kinh doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trừ trường hợp các chi phí liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán, các khoản chi phí này phải được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở phân bổ theo hệ thống hoặc theo tỷ lệ.

(s) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(t) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn Dệt May Việt Nam nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các bên liên quan bao gồm công ty mẹ và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ này, các công ty con và công ty liên kết của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

(u) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam trong kỳ trước.

5. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh

Tập đoàn Dệt May Việt Nam không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

6. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính riêng hàng năm và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Cơ quan Tổng Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất.

7. Các khoản mục bất thường

Tập đoàn Dệt May Việt Nam không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

8. Các thay đổi trong cơ cấu đơn vị

Tập đoàn Dệt May Việt Nam không có thay đổi trọng yếu nào trong cơ cấu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

9. Tiền

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Tiền mặt	6.586.686.536	10.786.326.634
Tiền gửi không kỳ hạn		
▪ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	40.479.381.127	39.956.277.527
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	13.887.528.300	14.972.050.211
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	16.834.414.327	9.456.539.016
▪ Các ngân hàng khác	1.291.892.524	686.492.094
Tiền đang chuyển	39.426.850	41.210.540
	79.119.329.664	75.898.896.022

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)***10. Các khoản đầu tư tài chính****(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/6/2026		1/1/2026	
	Giá gốc/ Giá trị phân bổ VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc/ Giá trị phân bổ VND (Đã phân loại lại)	Giá trị có thể thu hồi VND (Đã phân loại lại)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (i)	1.215.005.350.420	1.215.005.350.420	1.400.005.350.420	1.400.005.350.420
▪ Phải thu về lãi tiền gửi có kỳ hạn (i)	22.931.860.962	22.931.860.962	19.872.898.755	19.872.898.755
▪ Phải thu về cho vay (iii)	55.538.924.248	55.538.924.248	52.745.265.687	52.745.265.687
	1.293.476.135.630		1.472.623.514.862	
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (ii)	150.000.000.000	150.000.000.000	-	-
▪ Phải thu về lãi tiền gửi có kỳ hạn (ii)	32.876.714	32.876.714	-	-
▪ Phải thu về cho vay (iii)	979.749.932.480	979.749.932.480	1.011.445.310.836	1.011.445.310.836
▪ Trái phiếu chuyển đổi (iv)	45.360.000.000		45.360.000.000	
	1.175.142.809.194		1.056.805.310.836	

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

- (i) Đây là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng và hưởng lãi suất trong khoảng từ 4,9% đến 8,0%/năm (1/1/2026: từ 3,9% đến 7,5%/năm).

Giá trị có thể thu hồi của khoản tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn bao gồm giá gốc của khoản tiền gửi ban đầu và lãi dự thu đến ngày 30 tháng 6 năm 2026 và ngày 1 tháng 1 năm 2026. Giá trị phân bổ của các khoản tiền gửi này xấp xỉ giá trị có thể thu hồi được do tính chất ngắn hạn của các khoản đầu tư này. Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam đánh giá rằng khoản tiền gửi này được gửi ở các ngân hàng có uy tín tại Việt Nam nên không bị suy giảm giá trị tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và 1 tháng 1 năm 2026.

Chi tiết các khoản tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn có số dư lớn:

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Đã phân loại lại)
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	570.653.773.022	558.899.964.245
Ngân hàng TMCP Sài Gòn	325.731.945.205	343.864.021.920
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	149.031.890.413	206.744.276.709
Ngân hàng TMCP Quân đội	166.126.794.528	160.255.452.056
	1.211.544.403.168	1.269.763.714.930

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 bao gồm 190.000 triệu VND (1/1/2026: 110.000 triệu VND) đã được dùng để thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (Thuyết minh 26(b)), và 40.000 triệu VND (1/1/2026: 20.000 triệu VND) đang được dùng để thế chấp tại ngân hàng để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thanh toán với các nhà cung cấp.

- (ii) Đây là các khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam có kỳ hạn gốc và kỳ hạn còn lại trên 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán và hưởng lãi suất năm là 8,0% (1/1/2026: không có).

Giá trị có thể thu hồi của khoản tiền gửi có kỳ hạn dài hạn bao gồm giá gốc của khoản tiền gửi ban đầu và lãi dự thu đến ngày 30 tháng 6 năm 2026 và ngày 1 tháng 1 năm 2026. Giá trị phân bổ của các khoản tiền gửi này xấp xỉ giá trị có thể thu hồi được. Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam đánh giá rằng khoản tiền gửi này được gửi ở ngân hàng có uy tín tại Việt Nam nên không bị suy giảm giá trị tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và 1 tháng 1 năm 2026.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

(iii) Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn từ các công ty con:

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú (iii.1)	19.577.431.127	18.709.723.616
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội (iii.1)	7.998.403.178	7.643.899.239
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (iii.1)	7.875.435.956	7.526.382.319
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định – Khoản 1 (iii.1)	4.953.784.119	4.734.223.091
Công ty Cổ phần Dệt May Huế (iii.1)	2.992.307.290	2.859.682.765
Công ty TNHH MTV Dệt 8-3 (iii.1)	2.797.427.618	2.673.440.308
Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Xuân – Khoản 1 (iii.1)	2.216.186.854	2.117.961.525
Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Xuân – Khoản 2 (iii.1)	7.127.948.106	6.479.952.824
	55.538.924.248	52.745.265.687

Các khoản phải thu về cho vay dài hạn từ các công ty con:

	Năm đáo hạn	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú (iii.1)	2035	149.580.943.794	160.160.958.306
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội (iii.1)	2035	205.301.955.073	210.123.618.875
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (iii.1)	2035	202.145.647.588	206.893.183.109
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định – Khoản 1 (iii.1)	2035	127.153.071.969	130.139.353.259
Công ty Cổ phần Dệt May Huế (iii.1)	2035	76.806.149.800	78.609.997.276
Công ty TNHH MTV Dệt 8-3 (iii.1)	2035	71.803.998.916	73.490.367.441
Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Xuân – Khoản 1 (iii.1)	2035	56.884.790.284	58.220.770.411
Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Xuân – Khoản 2 (iii.2)	2029	25.073.986.448	28.807.673.551
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định – Khoản 2 (iii.3)	2027	64.999.388.608	64.999.388.608
		979.749.932.480	1.011.445.310.836

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản phải thu về cho vay hiện còn số dư như sau:

- (iii.1) Đây là các khoản Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho các công ty con vay lại từ nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á (“ADB”) (Thuyết minh 26(b)). Các khoản cho vay này được tính lãi theo lãi suất mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam phải trả cho Ngân hàng Phát triển Châu Á và phí phải trả Bộ Tài chính cộng thêm 0,5% phí quản lý của Tập đoàn.
- (iii.2) Khoản phải thu về cho vay này không có tài sản đảm bảo và không hưởng lãi trong năm 2022, từ năm 2023 lãi suất của khoản phải thu về cho vay này được áp dụng theo nguyên tắc không cao hơn lãi suất vay trung hạn và cao hơn lãi suất tiền gửi VND kỳ hạn 13 tháng loại trả lãi cuối kỳ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố áp dụng đối với các tổ chức, được điều chỉnh 6 tháng một lần.
- (iii.3) Khoản phải thu về cho vay này không có tài sản đảm bảo và hưởng lãi suất 5,5%/năm.
- (iv) Đây là khoản trái phiếu chuyển đổi do Tổng Công ty Cổ phần May Nhà Bè – công ty liên kết của Tập đoàn phát hành bằng VND, có kỳ hạn 2 năm, có thể chuyển đổi thành cổ phiếu vào năm 2027 và hưởng lãi suất 5%/năm.



Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	30/6/2026						1/1/2026					
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND		
Đầu tư góp vốn vào:												
▪ Công ty con												
• Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	50,10%	50,10%	532.242.925.014	-	(*)	50,10%	50,10%	532.242.925.014	-	(*)		
• Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex	100,00%	100,00%	500.000.000.000	(173.333.956.499)	(*)	100,00%	100,00%	500.000.000.000	(235.357.749.145)	(*)		
• Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex	100,00%	100,00%	191.301.358.205	-	(*)	100,00%	100,00%	191.301.358.205	-	(*)		
• Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	61,87%	61,87%	189.153.465.950	-	(*)	61,87%	61,87%	189.153.465.950	-	(*)		
• Công ty Cổ phần Dệt May Huế	60,86%	60,86%	172.033.729.000	-	(*)	60,86%	60,86%	172.033.729.000	-	(*)		
• Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Phương	100,00%	100,00%	163.627.554.636	(163.627.554.636)	(*)	100,00%	100,00%	163.627.554.636	(163.627.554.636)	(*)		
• Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài	60,73%	60,73%	122.656.621.350	-	(*)	60,73%	60,73%	122.656.621.350	-	(*)		
• Công ty TNHH Một thành viên Dệt Kim Đông Xuân	100,00%	100,00%	115.191.925.340	(30.556.547.817)	(*)	100,00%	100,00%	115.191.925.340	(39.281.028.352)	(*)		
• Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phở Nổi	51,00%	51,00%	109.523.449.251	-	(*)	51,00%	51,00%	38.633.449.251	-	(*)		
• Công ty Cổ phần Sản xuất – Xuất nhập khẩu Dệt May	68,34%	68,34%	26.032.500.000	(26.032.500.000)	(*)	68,34%	68,34%	26.032.500.000	(26.032.500.000)	(*)		
• Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	53,67%	53,67%	81.555.023.813	(46.700.965.186)	(*)	53,67%	53,67%	81.555.023.813	(53.529.615.563)	(*)		
• Công ty Cổ phần Vinatex Phú Hưng	52,00%	52,00%	33.800.000.000	-	(*)	52,00%	52,00%	33.800.000.000	-	(*)		
• Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Nguyên liệu Dệt May Việt Nam	61,63%	61,63%	24.852.076.451	(17.590.085.893)	(*)	61,63%	61,63%	24.852.076.451	(17.428.039.772)	(*)		
			2.261.970.629.010	(457.841.610.031)				2.191.080.629.010	(535.256.487.468)			
▪ Công ty liên kết												
• Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	30,40%	30,40%	288.033.867.683	-	(*)	30,40%	30,40%	288.033.867.683	-	(*)		
• Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP	46,93%	46,93%	196.304.445.135	-	(*)	46,93%	46,93%	196.304.445.135	-	(*)		
• Tổng Công ty May 10 – CTCP	32,21%	32,21%	97.190.682.268	-	(*)	32,21%	32,21%	97.190.682.268	-	(*)		
• Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP	25,20%	25,20%	64.157.524.344	-	(*)	25,20%	25,20%	64.157.524.344	-	(*)		
• Tổng Công ty Đức Giang – CTCP	35,22%	35,22%	48.705.037.797	-	(*)	35,22%	35,22%	48.705.037.797	-	(*)		
• Tổng Công ty May Hưng Yên – CTCP	35,01%	35,01%	47.350.233.012	-	(*)	35,01%	35,01%	47.350.233.012	-	(*)		
• Các khoản đầu tư tại các công ty liên kết khác			301.099.065.540	(24.314.304.634)	(*)			301.099.065.540	(25.898.380.663)	(*)		
			1.042.840.855.779	(24.314.304.634)				1.042.840.855.779	(25.898.380.663)			
▪ Đơn vị khác												
• Công ty Cổ phần TCE VINA DENIM	1,83%	1,83%	19.450.204.510	-	(*)	1,83%	1,83%	19.450.204.510	-	(*)		
• Các khoản đầu tư khác			20.339.294.390	(3.465.842.468)	(*)			20.339.294.390	-	(*)		
			39.789.498.900	(3.465.842.468)				39.789.498.900	-			
			3.344.600.983.689	(485.621.757.133)				3.273.710.983.689	(561.154.868.131)			

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và ngày 1 tháng 1 năm 2026, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có 13 công ty con cấp 1 và 17 công ty liên kết cấp 1. Các công ty con và công ty liên kết đều được thành lập tại Việt Nam.

- (*) Tập đoàn Dệt May Việt Nam chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường hoặc có giá niêm yết trên thị trường nhưng khối lượng giao dịch không đủ để phản ánh một cách đáng tin cậy giá trị hợp lý cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

11. Phải thu của khách hàng**(a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Phải thu của khách hàng là các công ty con		
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	186.846.708.308	138.509.283.107
▪ Công ty TNHH MTV Dệt 8-3	81.544.596.811	168.690.485.840
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội	15.641.876.908	4.310.454.226
▪ Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Phương	28.401.467.531	27.734.152.687
▪ Công ty Cổ phần Vinatex Phú Hưng	6.334.489.143	6.189.731.542
▪ Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Xuân	2.663.481.617	5.470.459.165
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	2.238.994.040	2.646.083.866
▪ Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối	1.514.504.200	1.821.834.380
▪ Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	37.800.000	53.488.507
Phải thu của khách hàng là các công ty liên kết		
▪ Các công ty liên kết	874.892.344	298.231.470
Phải thu của khách hàng là công ty liên kết của công ty mẹ		
▪ Tổng Công ty Hàng Không Việt Nam – CTCP	14.814.228.094	15.446.655.447
Phải thu các khách hàng khác		
▪ Công ty Cổ phần Sợi Phú Hoàng	73.408.878.366	72.852.550.825
▪ Công ty Cổ phần Sợi Trường Phú	35.804.313.503	73.831.962.107
▪ Kam Hing Piece Work Ltd.	31.840.040.065	-
▪ Công ty TNHH GDI Textile	17.542.384.113	12.531.760.602
▪ Xiamen Port Commerce Information Co., Ltd	7.461.007.259	11.480.870.571
▪ Công ty TNHH Hi Knit	6.268.919.353	-
▪ Ningbo Lefeng Supply Chain Co., Ltd.	4.870.956.607	-
▪ Các khách hàng khác	23.875.852.151	69.487.736.054
	541.985.390.413	611.355.740.396

Khoản phải thu từ các công ty con và công ty liên kết của Tập đoàn, công ty liên kết của công ty mẹ không có tài sản đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là từ 30 ngày đến 180 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu dài hạn của khách hàng

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Phải thu của khách hàng là công ty con		
▪ Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Phương	41.132.807.732	44.968.533.789

Khoản phải thu dài hạn từ công ty con này không có đảm bảo, không chịu lãi và được hoàn trả theo kế hoạch trả nợ đã được thống nhất giữa hai bên.

12. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Trả trước cho người bán là công ty con		
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội	25.689.600.000	-
Trả trước cho người bán là các công ty liên kết		
▪ Tổng Công ty Đức Giang – CTCP	9.987.425.043	-
▪ Công ty Cổ phần May Nam Định	2.849.864.000	2.849.864.000
▪ Công ty Cổ phần May Bình Minh	25.448.968	23.553.309
Trả trước cho người bán là các bên khác		
▪ Công ty Cổ phần Bất động sản Việt Bắc	4.620.992.880	-
▪ Olam Global Agri Pte Ltd	1.064.118.257	688.377.256
▪ Cofco International Singapore Pte. Ltd.	1.063.874.733	16.393.306
▪ Allenberg Cotton Co – chi nhánh của Louis Dreyfus Company Cotton LLC	998.863.952	592.187.026
▪ Paul Reinhart AG	869.087.831	222.299.123
▪ Toyo Cotton Co.	793.938.742	1.557.990.705
▪ Xinfengming Jiangsu Xintuo New Material Co., Ltd.	763.760.998	704.227.186
▪ Cargill Cotton – chi nhánh của Cargill, Inc.	174.231.350	873.939.300
▪ Các nhà cung cấp khác	9.042.412.398	11.778.500.635
	57.943.619.152	19.307.331.846

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

13. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
		(Đã phân loại lại)
Cổ tức phải thu	65.536.241.975	118.284.838.361
Phải thu lãi cho vay	24.780.088.367	22.507.923.916
Phải thu lãi trái phiếu chuyển đổi	1.134.000.000	-
Phải thu từ điều chuyển tài sản cho Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Phương	7.501.375.304	7.501.375.304
Tạm ứng cho công nhân viên	4.758.388.473	2.229.760.107
Đặt cọc tiền thuê văn phòng	4.620.992.879	4.620.992.879
Lãi và phí quản lý khoản vay ADB	4.293.761.059	4.738.041.161
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.184.174.440	1.195.304.617
	113.809.022.497	161.078.236.345

Các khoản phải thu ngắn hạn khác từ các công ty liên quan như sau:

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Công ty con		
▪ Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Phương	19.192.456.165	19.192.456.165
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội	16.800.134.867	16.892.442.663
▪ Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex	8.792.224.114	17.855.000.000
▪ Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Xuân	7.607.928.250	6.830.504.266
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	2.378.588.427	966.594.712
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	963.084.868	56.739.485.721
▪ Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	775.702.751	879.233.773
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Huế	357.940.405	18.745.644.944
▪ Các công ty con khác	3.600.036.923	3.514.024.020
Công ty liên kết		
▪ Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	26.811.840.000	-
▪ Tổng Công ty May 10 – CTCP	15.341.097.000	-
▪ Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP	1.134.000.000	-
▪ Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP	-	4.927.500.000
▪ Tổng Công ty May Hưng Yên – CTCP	-	6.830.562.000
	103.755.033.770	153.373.448.264

Khoản phải thu ngắn hạn khác từ các công ty liên quan không có tài sản đảm bảo, không tính lãi và có điều khoản thanh toán theo yêu cầu.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)***(b) Phải thu dài hạn khác**

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Phải thu dài hạn khác từ các công ty con		
Phải thu từ Công ty TNHH MTV Dệt 8-3 (i)	170.496.650.079	170.496.650.079
Phải thu dài hạn Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội (ii)	136.932.000.000	136.932.000.000
Phải thu tiền thuê nhà xưởng từ Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Phương	13.510.094.763	13.510.094.763
Phải thu từ điều chuyển tài sản cho Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Xuân	12.944.698.215	13.278.062.013
Phải thu dài hạn khác		
Ký quỹ bảo đảm dự án đầu tư Dự án Nhà máy Liên hợp Sợi-Dệt-Nhuộm-May Quảng Nam (iii)	5.715.000.000	5.715.000.000
Đặt cọc tiền thuê nhà xưởng, văn phòng Dự án Coats	2.137.350.000	2.137.350.000
Khác	3.286.359	3.286.359
	341.739.079.416	342.072.443.214

- (i) Phản ánh khoản tiền chuyển mục đích sử dụng đất được Bộ Tài chính giao cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam trong năm 2015 cho mục đích thực hiện các dự án đầu tư tại Công ty TNHH MTV Dệt 8-3. Khoản này sẽ được ghi tăng vốn đầu tư của Tập đoàn Dệt May Việt Nam vào Công ty TNHH MTV Dệt 8-3 khi các thủ tục thực hiện tăng vốn được hoàn thành. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các thủ tục tăng vốn vẫn chưa được hoàn thành.
- (ii) Phản ánh khoản tiền chuyển mục đích sử dụng đất được Bộ Tài chính giao cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam trong năm 2015 cho mục đích thực hiện các dự án đầu tư tại Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội. Khoản này sẽ được ghi tăng vốn đầu tư của Tập đoàn Dệt May Việt Nam vào Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội khi các thủ tục thực hiện tăng vốn được hoàn thành. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các thủ tục tăng vốn vẫn chưa được hoàn thành.
- (iii) Phản ánh khoản tiền Tập đoàn Dệt May Việt Nam ký quỹ bảo đảm tại tài khoản của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam (nay là Sở Tài chính Thành phố Đà Nẵng) nhằm mục đích bảo đảm thực hiện Dự án Nhà máy Liên hợp Sợi-Dệt-Nhuộm-May Quảng Nam.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

14. Hàng tồn kho

	30/6/2026		1/1/2026	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	46.283.598.992	-	156.665.873.483	-
Nguyên vật liệu	67.860.185.840	(1.215.216.757)	68.348.197.452	(1.215.216.757)
Công cụ và dụng cụ	6.039.687.599	-	6.391.579.308	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	24.574.041.987	-	23.268.098.843	-
Sản phẩm dệt may	16.928.864.070	(3.130.113.921)	70.497.423.496	(6.469.042.954)
Sản phẩm bất động sản	173.330.273.189	-	173.330.273.189	-
Hàng hóa	1.522.034.884	(122.466.570)	3.350.170.151	(327.058.024)
	336.538.686.561	(4.467.797.248)	501.851.615.922	(8.011.317.735)

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 có 1.215 triệu VND nguyên vật liệu, 3.130 triệu VND sản phẩm và 1.229 triệu VND hàng hóa (1/1/2026: 1.215 triệu VND nguyên vật liệu, 8.417 triệu VND sản phẩm và 3.022 triệu VND hàng hóa) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

15. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	502.417.214.506	1.120.321.623.425	44.346.340.913	56.489.912.307	1.723.575.091.151
Tăng trong kỳ	-	295.000.000	415.000.000	111.296.296	821.296.296
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 18)	-	63.722.890.030	-	-	63.722.890.030
Nhận tài sản điều chuyển từ công ty con	-	757.100.000	-	-	757.100.000
Tài sản điều chuyển cho công ty con	-	-	(2.108.025.825)	-	(2.108.025.825)
Số dư cuối kỳ	502.417.214.506	1.185.096.613.455	42.653.315.088	56.601.208.603	1.786.768.351.652
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	298.687.559.017	783.253.548.409	32.944.821.657	47.777.212.360	1.162.663.141.443
Khấu hao trong kỳ	7.516.033.864	39.422.448.869	1.549.677.865	1.784.922.370	50.273.082.968
Nhận tài sản điều chuyển từ công ty con	-	283.912.500	-	-	283.912.500
Tài sản điều chuyển cho công ty con	-	-	(1.947.293.355)	-	(1.947.293.355)
Số dư cuối kỳ	306.203.592.881	822.959.909.778	32.547.206.167	49.562.134.730	1.211.272.843.556
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	203.729.655.489	337.068.075.016	11.401.519.256	8.712.699.947	560.911.949.708
Số dư cuối kỳ	196.213.621.625	362.136.703.677	10.106.108.921	7.039.073.873	575.495.508.096

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 có các tài sản có nguyên giá 268.463 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2026: 194.697 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 28.197 triệu VND (1/1/2026: 36.573 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (Thuyết minh 26(b)).

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)***16. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	3.128.103.118
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	2.851.469.850
Khấu hao trong kỳ	34.026.744
Số dư cuối kỳ	2.885.496.594
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	276.633.268
Số dư cuối kỳ	242.606.524

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 có các tài sản có nguyên giá 2.504 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2026: 2.504 triệu VND).

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

Các tài sản cố định vô hình chủ yếu đang được sử dụng như sau:

	30/6/2026			1/1/2026		
	Nguyên giá VND	Giá trị hao mòn lũy kế VND	Giá trị còn lại VND	Nguyên giá VND	Giá trị hao mòn lũy kế VND	Giá trị còn lại VND
Phần mềm giác sơ đồ tự động đa nhân	395.183.669	296.387.730	98.795.939	395.183.669	276.628.548	118.555.121
Trang web của Tập đoàn	56.478.817	15.766.694	40.712.123	56.478.817	10.118.810	46.360.007
Hệ thống phần mềm quản trị sản xuất	114.929.088	86.196.780	28.732.308	114.929.088	80.450.328	34.478.760
Số dư cuối kỳ	566.591.574	398.351.204	168.240.370	566.591.574	367.197.686	199.393.888

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

17. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	39.270.144.951	181.659.141.036	220.929.285.987
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	460.197.011	3.171.107.380	3.631.304.391
Khấu hao trong kỳ	613.596.012	4.228.143.174	4.841.739.186
Số dư cuối kỳ	1.073.793.023	7.399.250.554	8.473.043.577
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	38.809.947.940	178.488.033.656	217.297.981.596
Số dư cuối kỳ	38.196.351.928	174.259.890.482	212.456.242.410

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, bất động sản đầu tư cho thuê của Tập đoàn chủ yếu bao gồm tầng hầm và văn phòng cho thuê tại 14 Võ Văn Kiệt, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Tập đoàn chưa thu thập được các thông tin cần thiết để xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

18. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	87.688.678.095	334.598.697.430
Tăng trong kỳ	2.684.346.102	394.183.894
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 15)	(63.722.890.030)	(17.869.881.992)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(56.783.559)
Chuyển sang chi phí chờ phân bổ dài hạn (Thuyết minh 19)	(492.429.593)	-
Số dư cuối kỳ	26.157.704.574	317.066.215.773

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Nhà máy Sợi Nam Định	18.973.452.363	18.973.452.363
Nhà máy Liên hợp Sợi-Dệt-Nhuộm-May Quảng Nam	5.813.893.461	5.813.893.461
Thi công hạng mục chiếu sáng Tòa nhà Vinatex Building	1.370.358.750	-
Máy móc thiết bị chưa lắp đặt – Nhà máy Sợi Phú Cường	-	27.167.083.341
Máy móc thiết bị chưa lắp đặt – Dự án Vinatex - Coats	-	20.767.632.841
Dự án mua máy móc thiết bị cho Vinatex Phú Hưng	-	14.966.616.089
	26.157.704.574	87.688.678.095

19. Chi phí chờ phân bổ dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí sửa chữa, cải tạo VND	Chi phí khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	31.968.723.829	7.399.997.221	17.777.568.656	1.771.418.455	58.917.708.161
Tăng trong kỳ	-	1.353.885.279	-	691.201.920	2.045.087.199
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 18)	-	492.429.593	-	-	492.429.593
Phân bổ trong kỳ	(504.356.940)	(2.500.810.276)	(4.249.941.551)	(550.720.931)	(7.805.829.698)
Phân loại lại sang chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	-	-	-	(503.297.842)	(503.297.842)
Số dư cuối kỳ	31.464.366.889	6.745.501.817	13.527.627.105	1.408.601.602	53.146.097.413

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)***20. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Phải trả người bán là các công ty con		
▪ Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Xuân	1.277.222.153	1.287.930.132
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	333.560.325	282.310.576
▪ Công ty TNHH MTV Dệt 8-3	259.644.000	-
▪ Công ty Cổ phần Thời trang Hanosimex	112.650.200	139.842.720
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	28.002.754	91.677.125
▪ Công ty Cổ phần Dệt Gia dụng Phong Phú	23.219.430	17.039.619
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Huế	16.484.580	27.822.620
Phải trả người bán là các công ty liên kết		
▪ Tổng Công ty May 10 – CTCP	5.592.455.602	5.801.954.989
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Liên Phương	2.546.075.599	2.546.075.599
▪ Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP	116.338.703	288.299.315
▪ Công ty Cổ phần May Nam Định	70.311.320	46.584.012
▪ Chi nhánh Tổng Công ty May Việt Tiến	64.571.912	631.120.819
▪ Công ty TNHH Coats Phong Phú	1.755.000	-
▪ Tổng Công ty Đức Giang – CTCP	-	27.353.000.817
Phải trả người bán khác		
▪ Công ty Cổ phần May Tiên Tiến	7.983.689.475	9.494.411.818
▪ Công ty TNHH Xây dựng Sản xuất Thương mại Tài Nguyên	7.510.982.998	7.510.982.998
▪ Công ty Cổ phần May Tiên Hưng	5.837.951.869	994.440.610
▪ Công ty TNHH Greenyellow Smart Solutions Việt Nam	3.511.731.176	3.653.167.817
▪ Hangzhou Benma Chemfibre and Spinning Co., Ltd.	3.188.798.660	-
▪ Terra Nova Commodities LLC	3.179.429.239	-
▪ Importeer International Limited	1.145.890.420	537.137.800
▪ Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Công nghệ GTSC Việt Nam	633.439.000	649.469.000
▪ Công ty TNHH Bao Bì Việt Long	548.583.159	95.424.739
▪ Bunge Netherlands Agri B.V. (trước đây là VITERRA B.V)	75.966.077	16.122.822.553
▪ Các nhà cung cấp khác	11.998.543.871	63.370.546.448
	56.057.297.522	140.942.062.126

Khoản phải trả các công ty con và các công ty liên kết không được đảm bảo, không chịu lãi và có điều khoản thanh toán trong vòng 30 đến 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

21. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Người mua trả tiền trước là các công ty con		
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Huế	-	64.800.000
▪ Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex	-	32.400.000
Người mua trả tiền trước là các công ty liên kết		
▪ Công ty Cổ phần May Hữu Nghị	-	54.000.000
Người mua trả tiền trước khác		
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	20.074.679.338	-
▪ Công ty Cổ phần Vải Dệt kim Vinatex Quốc tế	408.443.673	508.369.802
▪ Công ty TNHH Dệt May Hưng Thịnh	90.014.400	-
▪ Zhejiang Tongli Fangyuan Technology Co., Ltd	1.644.426	584.452.800
▪ Các nhà cung cấp khác	121.527.140	141.210.517
	20.696.308.977	1.385.233.119

22. Phải trả cổ tức

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Đã phân loại lại)
Cổ tức năm 2024	28.822.100	150.000.000.000
Cổ tức các năm trước	491.952.225	491.952.225
	520.774.325	150.491.952.225

Khoản cổ tức năm 2024 và các năm trước trị giá 520.774.325 VND chưa được thanh toán tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2026 do chưa có thông tin thanh toán của người nhận cổ tức.

23. Thuế và các khoản khác phải thu và phải nộp Nhà nước

(a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	1/1/2026 VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Số đã được hoàn/ bù trừ trong kỳ VND	30/6/2026 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	660.960.646	-	-	660.960.646
<i>Văn phòng</i>	<i>660.960.646</i>	-	-	<i>660.960.646</i>
Tiền thuê đất, thuế đất	1.333.413.383	-	(1.313.127.383)	20.286.000
<i>Văn phòng</i>	<i>1.034.858.218</i>	-	<i>(1.014.572.218)</i>	<i>20.286.000</i>
<i>Trung tâm Phát triển Sản phẩm và Kinh doanh Vinatex</i>	<i>298.555.165</i>	-	<i>(298.555.165)</i>	-
	1.994.374.029	-	(1.313.127.383)	681.246.646

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

(b) Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước

	1/1/2026 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã nộp/được hoàn trong kỳ VND	Bù trừ với thuế GTGT đầu vào VND	30/6/2026 VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	6.861.477.404	17.762.125.678	(6.997.475.499)	(17.626.127.583)	-
<i>Văn phòng</i>	6.861.477.404	5.987.059.587	(6.992.636.876)	(5.855.900.115)	-
<i>Nhà máy Sợi Phú Cường</i>	-	5.982.295.157	-	(5.982.295.157)	-
<i>Nhà máy Sợi Nam Định</i>	-	1.542.605.855	-	(1.542.605.855)	-
<i>Trung tâm Phát triển Sản phẩm và Kinh doanh Vinatex</i>	-	4.250.165.079	(4.838.623)	(4.245.326.456)	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	4.430.158.851	(4.430.158.851)	-	-
<i>Văn phòng</i>	-	611.568.702	(611.568.702)	-	-
<i>Nhà máy Sợi Phú Cường</i>	-	3.635.414.367	(3.635.414.367)	-	-
<i>Nhà máy Sợi Nam Định</i>	-	182.477.945	(182.477.945)	-	-
<i>Trung tâm Phát triển Sản phẩm và Kinh doanh Vinatex</i>	-	697.837	(697.837)	-	-
Thuế nhập khẩu	-	12.294.286	(12.294.286)	-	-
<i>Văn phòng</i>	-	9.076.503	(9.076.503)	-	-
<i>Nhà máy Sợi Phú Cường</i>	-	2.080.617	(2.080.617)	-	-
<i>Trung tâm Phát triển Sản phẩm và Kinh doanh Vinatex</i>	-	1.137.166	(1.137.166)	-	-
Các loại thuế khác	283.126.277	4.765.793.064	(3.773.262.672)	-	1.275.656.669
+ Thuế thu nhập cá nhân	283.126.277	4.765.793.064	(3.773.262.672)	-	1.275.656.669
<i>Văn phòng</i>	181.588.676	4.563.267.733	(3.513.661.306)	-	1.231.195.103
<i>Nhà máy Sợi Nam Định</i>	11.269.872	79.279.158	(63.806.875)	-	26.742.155
<i>Nhà máy Sợi Phú Cường</i>	9.217.266	54.719.845	(61.382.725)	-	2.554.386
<i>Trung tâm Phát triển Sản phẩm và Kinh doanh Vinatex</i>	81.050.463	68.526.328	(134.411.766)	-	15.165.025

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

	1/1/2026 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã nộp/được hoàn trong kỳ VND	Bù trừ với thuế GTGT đầu vào VND	30/6/2026 VND
Các khoản phải nộp khác	-	3.956.130.706	(2.958.041.827)	-	998.088.879
+ Tiền thuê đất, thuế đất	-	3.953.731.178	(2.955.642.299)	-	998.088.879
<i>Văn phòng</i>	-	<i>1.906.556.151</i>	<i>(1.906.556.151)</i>	-	-
<i>Trung tâm Phát triển Sản phẩm và Kinh doanh Vinatex</i>	-	<i>2.047.175.027</i>	<i>(1.049.086.148)</i>	-	<i>998.088.879</i>
+ Các khoản khác	-	2.399.528	(2.399.528)	-	-
<i>Văn phòng</i>	-	<i>783.675</i>	<i>(783.675)</i>	-	-
<i>Nhà máy Sợi Phú Cường</i>	-	<i>1.115.853</i>	<i>(1.115.853)</i>	-	-
<i>Trung tâm Phát triển Sản phẩm và Kinh doanh Vinatex</i>	-	<i>500.000</i>	<i>(500.000)</i>	-	-
	7.144.603.681	30.926.502.585	(18.171.233.135)	(17.626.127.583)	2.273.745.548

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

24. Chi phí phải trả**(a) Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Chi phí lãi vay	507.339.363	403.327.757
Chi phí phải trả khác	2.444.047.034	2.504.385.043
	2.951.386.397	2.907.712.800
Phần chi phí phải trả dài hạn đến hạn trả trong 12 tháng	464.849.280	464.849.280
	3.416.235.677	3.372.562.080

(b) Chi phí phải trả dài hạn

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Tiền thuê đất phải trả (*)	8.832.136.320	9.296.985.600
Chi phí phải trả dài hạn đến hạn trả trong 12 tháng	(464.849.280)	(464.849.280)
Chi phí phải trả dài hạn đến hạn trả sau 12 tháng	8.367.287.040	8.832.136.320

(*) Phản ánh số tiền thuê đất tại số 10 Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh tương ứng với phần diện tích được sử dụng bởi Công ty TNHH Xây dựng và Sản xuất Tài Nguyên trong thời hạn của hợp đồng cho thuê đến năm 2046.

25. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Đã phân loại lại)
Lãi vay phải trả	4.216.843.492	4.675.037.323
Quỹ từ thiện	2.845.248.287	2.845.248.287
Các khoản phải trả khác	5.164.034.524	6.331.726.112
	12.226.126.303	13.852.011.722

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

26. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2026		Biến động trong kỳ			30/6/2026
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá do thanh toán VND	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn (*)	648.873.125.881	646.225.612.730	(802.426.749.967)	(841.708.847)	(19.656.606)	491.810.623.191
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 26(b))	56.489.208.987	30.197.637.378	(27.444.316.023)	41.727.700	(204.528.404)	59.079.729.638
	705.362.334.868	676.423.250.108	(829.871.065.990)	(799.981.147)	(224.185.010)	550.890.352.829

(*) Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	VND	6,3% - 7,2%	371.110.573.914	274.944.616.067
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	USD	3,7% - 6,5%	107.377.158.161	165.941.883.798
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Mai	VND	6,2% - 7,4%	13.322.891.116	191.486.780.141
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Mỹ Đình	VND		-	16.499.845.875
			491.810.623.191	648.873.125.881

Các khoản vay ngắn hạn có thời hạn không quá 6 tháng, được thực hiện dưới hình thức tín chấp và không có tài sản đảm bảo, nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động hoặc mở các thư tín dụng nhập khẩu hàng hóa. Trong năm, các khoản vay này chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định trong các hợp đồng vay tương ứng.



Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)***(b) Vay dài hạn**

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại Tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Ngân hàng Phát triển Châu Á (i)	USD	Thả nổi	2039	1.029.730.556.623	1.060.848.352.896
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 26(a))				(59.079.729.638)	(56.489.208.987)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				970.650.826.985	1.004.359.143.909

(i) Khoản vay này được đảm bảo bằng:

- một số tài sản cố định của Tập đoàn Dệt May Việt Nam với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 là 28.197 triệu VND (1/1/2026: 36.573 triệu VND) (Thuyết minh 15);
- một số tài sản cố định của các công ty con của Tập đoàn, bao gồm Công ty TNHH MTV Dệt 8-3, Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Xuân, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ, Công ty Cổ phần Dệt May Huế, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định và Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú; và
- các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Hà Nội với giá trị lần lượt là 110.000 triệu VND và 80.000 triệu VND (1/1/2026: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn với giá trị 110.000 triệu VND tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm) (Thuyết minh 10(a)).

Khoản vay này bằng USD, có hạn mức là 105 triệu USD và chịu lãi suất năm thả nổi được điều chỉnh 6 tháng một lần theo công thức: SOFR 6 tháng (từ 1 tháng 6 năm 2022) bằng đồng USD cộng (+) biên độ lãi suất 0,6% trừ (-) một khoản giảm trừ là 0,1% và cộng (+) phí bảo hiểm kỳ hạn 0,2%.

Khoản vay này được hoàn trả từ ngày 1 tháng 6 năm 2020 đến ngày 1 tháng 12 năm 2039, trong 40 kỳ nửa năm, số tiền trả mỗi kỳ được xác định bằng cách nhân tổng số nợ gốc đã rút với phần trả mỗi lần (%) được quy định trong hợp đồng vay.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ phải thực hiện đầy đủ các điều khoản của Hiệp định vay với Ngân hàng Phát triển Châu Á và Hiệp định vay phụ với Bộ Tài chính.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)***27. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông hàng năm. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	32.368.177.754	35.850.119.188
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 28)	18.526.319.710	11.090.000.000
Sử dụng trong kỳ	(10.286.361.700)	(4.137.859.585)
Số dư cuối kỳ	40.608.135.764	42.802.259.603

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

28. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND (Đã phân loại lại)	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2025	5.000.000.000.000	30.361.932.352	562.407.068.082	-	182.111.222.970	5.774.880.223.404
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	75.031.548.438	75.031.548.438
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 27)	-	-	-	-	(11.090.000.000)	(11.090.000.000)
Hao mòn và phân bổ trong kỳ	-	-	(311.037.498)	-	-	(311.037.498)
Số dư tại ngày 30/6/2025	5.000.000.000.000	30.361.932.352	562.096.030.584	-	246.052.771.408	5.838.510.734.344
Số dư tại ngày 1/1/2026	5.000.000.000.000	30.361.932.352	561.784.993.086	21.021.222.970	218.526.319.710	5.831.694.468.118
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	209.626.939.467	209.626.939.467
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 27)	-	-	-	-	(18.526.319.710)	(18.526.319.710)
Hao mòn và phân bổ trong kỳ	-	-	(311.037.498)	-	-	(311.037.498)
Số dư tại ngày 30/6/2026	5.000.000.000.000	30.361.932.352	561.473.955.588	21.021.222.970	409.626.939.467	6.022.484.050.377

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)***29. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tập đoàn Dệt May Việt Nam như sau:

	30/6/2026 và 1/1/2026	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	500.000.000	5.000.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Vốn cổ phần đã phát hành cho các cổ đông như sau:

	Đã phát hành và đang lưu hành 30/6/2026 và 1/1/2026		
	Số cổ phiếu	VND	%
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước – Công ty TNHH	267.438.100	2.674.381.000.000	53,49%
ITOCHU Corporation	65.000.000	650.000.000.000	13,00%
Các cổ đông khác	167.561.900	1.675.619.000.000	33,51%
	500.000.000	5.000.000.000.000	100%

30. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh trong tương lai.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

31. Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác của chủ sở hữu bao gồm:

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Đã phân loại lại)
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	543.092.845.095	543.092.845.095
Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	18.381.110.493	18.692.147.991
	561.473.955.588	561.784.993.086

(a) Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản được Ngân sách Nhà nước giao cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam để giải ngân cho các dự án đầu tư bao gồm:

	Tại ngày 30/6/2026 và ngày 1/1/2026 VND
Dự án Nhà máy Kéo sợi	104.848.000.000
Dự án Nhà máy Sợi Phú Cường	85.600.000.000
Dự án Nhà máy Kéo sợi mới hai vạn cọc sợi	85.000.000.000
Dự án Nhà máy Sợi Nam Định	80.900.000.000
Dự án Nhà máy Sợi Phú Hưng	69.164.195.144
Dự án Đầu tư Phát triển Dệt nhuộm tại Miền Trung	54.496.650.079
Dự án Nhà máy May Dệt kim	32.083.999.872
Dự án Di dời và Đầu tư Nâng cấp Xí nghiệp Sợi và Xí nghiệp Dệt	31.000.000.000
	543.092.845.095

Tập đoàn Dệt May Việt Nam có trách nhiệm quản lý và sử dụng số vốn được giao theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn về cơ chế thanh toán vốn đầu tư thuộc nguồn vốn Ngân sách Nhà nước.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã hoàn thành và quyết toán Dự án Nhà máy Sợi Phú Hưng, Dự án Nhà máy Sợi Nam Định – Giai đoạn 1, Dự án Nhà máy Sợi Phú Cường – Giai đoạn 1, Dự án Nhà máy Kéo sợi và Dự án Nhà máy May Dệt kim, Dự án Di dời và Đầu tư Nâng cấp Xí nghiệp Sợi và Xí nghiệp Dệt, Dự án Đầu tư Nhà máy Kéo sợi mới hai vạn cọc sợi và Dự án Đầu tư Phát triển Dệt nhuộm tại Miền Trung. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng này, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đang trong quá trình làm việc với các bên hữu quan để xác định thời điểm và giá trị phần nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản được chuyển đổi thành vốn cổ phần thuộc sở hữu của Nhà nước tại Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

(b) Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định

Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định được Ngân sách Nhà nước cấp cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam để đầu tư xây dựng Nhà truyền thống ngành Dệt May Việt Nam. Biến động của nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	18.692.147.991	19.314.222.987
Hao mòn tài sản cố định và phân bổ giá trị quyền sử dụng đất của Nhà truyền thống ngành Dệt May Việt Nam	(311.037.498)	(311.037.498)
Số dư cuối kỳ	18.381.110.493	19.003.185.489

32. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 20 tháng 5 năm 2026, Đại hội đồng Cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thông qua kế hoạch phân phối khoản cổ tức bằng tiền trị giá 150.000 triệu VND (tương đương tỷ lệ chia 3%/vốn điều lệ) từ lợi nhuận sau thuế năm 2025 (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025: không thực hiện phân phối cổ tức).

Theo Thông báo số 410/TĐDMVN-VPHĐQT ngày 4 tháng 8 năm 2026 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam gửi Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC), ngày đăng ký cuối cùng để chốt danh sách cổ đông được hưởng quyền nhận cổ tức là ngày 19 tháng 8 năm 2026. Căn cứ quy định hiện hành và quyền lợi của cổ đông đã được xác lập tại thời điểm này, Tập đoàn đã ghi nhận khoản cổ tức phải trả cho cổ đông vào ngày 19 tháng 8 năm 2026.

33. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Trong vòng 1 năm	6.693.704.456	20.430.426.460
Trong vòng 2 đến 5 năm	11.422.010.880	11.422.010.880
Sau 5 năm	44.260.292.160	45.688.043.520
	62.376.007.496	77.540.480.860

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

Các tài sản thuê hoạt động bao gồm:

	Số lượng	Thời hạn thuê	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Thuê đất	1 hợp đồng	25 năm	58.537.805.760	59.965.557.120
Thuê văn phòng	1 hợp đồng	3 năm	3.838.201.736	17.574.923.740
			<u>62.376.007.496</u>	<u>77.540.480.860</u>

(b) Ngoại tệ các loại

	30/6/2026		1/1/2026	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	956.646	25.148.049.334	976.765	25.515.482.310
EUR	20.165	607.734.059	20.142	611.268.645
		<u>25.755.783.393</u>		<u>26.126.750.955</u>

(c) Cam kết theo hợp đồng hợp tác kinh doanh

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Tập đoàn có hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Xuân, một công ty con của Tập đoàn, liên quan đến dự án “Trung tâm Phát triển Sản phẩm và Kinh doanh Vinatex”. Theo hợp đồng này, Tập đoàn được quyền sử dụng Tòa nhà văn phòng 4 tầng và một số công trình phụ trợ trong khuôn viên khu đất có địa chỉ tại số 524 Phố Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Thành phố Hà Nội, thuộc quyền sở hữu của công ty con này. Tập đoàn cam kết phân chia cho công ty con này một khoản lợi nhuận cố định theo quy định trong hợp đồng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2024 cho đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Tập đoàn có hợp đồng hợp tác kinh doanh với Tổng Công ty Cổ phần May Nhà Bè, một công ty liên kết của Tập đoàn. Theo hợp đồng này, Tổng Công ty Cổ phần May Nhà Bè được quyền sử dụng tòa nhà tại số 57B Phan Chu Trinh, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, thuộc sở hữu của Tập đoàn. Tổng Công ty Cổ phần May Nhà Bè cam kết phân chia cho Tập đoàn một khoản lợi nhuận cố định theo quy định trong hợp đồng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 5 năm 2026 cho đến hết ngày 16 tháng 11 năm 2035.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)***34. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Bán hàng và dịch vụ gia công	871.787.001.427	890.304.422.429
Cung cấp dịch vụ	55.033.051.729	46.366.817.935
	926.820.053.156	936.671.240.364

35. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Hàng hoá đã bán và dịch vụ gia công	821.885.381.247	858.771.196.257
Dịch vụ đã cung cấp	28.004.613.424	22.907.075.718
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.543.520.487)	(2.911.498.589)
	846.346.474.184	878.766.773.386

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)***36. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Cổ tức	121.913.330.395	89.692.180.000
Lãi tiền gửi	41.069.676.692	31.179.100.910
Lãi cho vay	28.671.502.757	44.775.656.446
Lãi trái phiếu chuyển đổi	1.134.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.885.388.307	4.138.127.130
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.043.651.415	-
Lãi trả chậm công nợ	825.185.501	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	171.125.141
	196.542.735.067	169.956.189.627

37. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí lãi vay	41.681.579.171	57.485.324.995
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng đầu tư vào đơn vị khác	(75.533.110.998)	4.658.073.042
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.192.614.875	3.593.348.389
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	8.095.011.769
	(32.658.916.952)	73.831.758.195

38. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí nhân viên	5.731.263.006	4.873.015.165
Chi phí khấu hao và phân bổ	987.653.657	1.935.376.049
Cước vận chuyển quốc tế	3.425.601.112	2.857.299.667
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.071.410.769	2.610.385.631
Các chi phí bán hàng khác	7.378.888.549	6.920.375.348
	21.594.817.093	19.196.451.860

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

39. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí nhân viên	31.557.908.113	22.064.718.966
Chi phí khấu hao và phân bổ	11.564.578.748	7.225.426.836
Chi phí thuê đất và nhà cửa	11.589.937.138	10.346.691.365
Trích lập dự phòng trả trước cho người bán	2.849.864.000	-
Chi phí thuế, phí và lệ phí	197.120.243	77.998.387
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	20.691.341.471	20.934.026.404
	78.450.749.713	60.648.861.958

40. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	241.453.161.982	226.387.459.577
Chi phí nhân viên	73.310.608.522	53.016.819.890
Chi phí khấu hao và phân bổ	55.342.168.340	51.311.185.790
Chi phí dịch vụ mua ngoài	55.075.333.727	42.306.385.604
Chi phí khác	45.023.853.397	42.536.531.349
	470.205.125.968	415.558.382.210

41. Chi phí thuế TNDN hiện hành

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	209.626.939.467	75.031.548.438
Thuế tính theo thuế suất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam	41.925.387.893	15.006.309.688
Giá trị thuế của chi phí không được khấu trừ thuế	1.409.270.430	1.623.236.699
Giá trị thuế của thu nhập không bị tính thuế	(24.382.666.079)	(17.938.436.000)
Biến động chênh lệch tạm thời chưa được ghi nhận	9.941.598.075	4.068.449.915
Lỗi tính thuế được sử dụng	(28.893.590.319)	(2.759.560.302)
	-	-

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

(b) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	30/6/2026		1/1/2026	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND
Các chênh lệch tạm thời	3.228.224.800	645.644.960	(46.479.765.575)	(9.295.953.115)
Lỗi tính thuế	481.488.475.512	96.297.695.102	625.956.427.107	125.191.285.421
	484.716.700.312	96.943.340.062	579.476.661.532	115.895.332.306

Lỗi tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗi được khấu trừ VND
2027	Chưa quyết toán	197.423.564.597
2028	Chưa quyết toán	266.916.303.208
2029	Chưa quyết toán	17.148.607.707
		481.488.475.512

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Tập đoàn có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

(c) Thuế suất áp dụng

Theo quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)***42. Chi tiết doanh thu và lợi nhuận của các đơn vị phụ thuộc**

STT	Đơn vị	Tổng doanh thu Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Chi tiết doanh thu Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026			Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND
			Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ VND	Doanh thu hoạt động tài chính VND	Thu nhập khác VND	
1	Văn phòng Tập đoàn	660.112.832.968	465.617.498.060	194.495.334.908	-	198.451.041.333
2	Các đơn vị phụ thuộc					
	Nhà máy Sợi Vinatex Phú Cường	248.932.419.416	248.263.336.825	669.082.591	-	9.034.519.528
	Nhà máy Sợi Vinatex Nam Định	190.756.947.066	189.472.822.486	1.284.124.580	-	8.351.564.443
	Trung tâm Phát triển Sản phẩm và Kinh doanh Vinatex	23.560.778.842	23.466.395.785	94.172.716	210.341	(6.209.423.617)
	Nhà máy Sản xuất Vải Yarn Dyed	15.292	-	15.292	-	(437.200)
	Nhà máy May Quế Sơn	4.980	-	4.980	-	(325.020)
3	Tổng cộng	1.123.362.998.564	926.820.053.156	196.542.735.067	210.341	209.626.939.467



Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)***43. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ Tập đoàn Dệt May Việt Nam có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước – Công ty TNHH		
Cổ tức đã trả	80.231.430.000	-
Các công ty con		
Công ty TNHH MTV Dệt 8-3		
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	85.666.165.543	160.130.101.164
Mua hàng hóa	247.280.000	5.065.496.502
Thu hồi gốc cho vay nguồn vốn vay ADB	1.298.826.892	1.164.172.047
Lãi và phí của khoản cho vay lại nguồn vốn vay ADB	2.069.843.535	2.365.367.600
Thu nhập tiền lãi từ cho vay	514.248.950	166.056.252
Điều chuyển tài sản cố định	2.108.025.825	-
Công ty Cổ phần Vinatex Phú Hưng		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.228.799.186	11.463.432.340
Tiền thuê đất và phí sử dụng dịch vụ hạ tầng	500.934.939	-
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ		
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	456.210.268	357.208.515
Mua hàng hóa	813.276.296	774.434.352
Doanh thu cho thuê tài sản	6.839.457.914	7.203.216.003
Thu hồi gốc cho vay nguồn vốn vay ADB	3.656.930.200	3.293.839.019
Lãi và phí của khoản cho vay lại nguồn vốn vay ADB	5.827.111.826	6.659.081.104
Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	475.419.048	432.800.000
Cổ tức được chia	37.408.796.000	18.704.398.000
Thu hồi gốc cho vay nguồn vốn vay ADB	9.117.352.170	8.175.552.319
Lãi và phí cho khoản cho vay lại nguồn vốn vay ADB	4.761.491.743	16.724.562.998
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội		
Doanh thu bán hàng hóa	36.617.211.368	87.498.723.641
Thu hồi gốc cho vay nguồn vốn vay ADB	3.711.909.129	3.340.140.118
Lãi và phí của khoản cho vay lại nguồn vốn vay ADB	5.918.096.100	6.763.055.992
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	30.000.000
Trả trước tiền thuê văn phòng	25.689.600.000	-

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)***Giá trị giao dịch****Kỳ sáu tháng kết thúc ngày****30/6/2026****30/6/2025****VND****VND****Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**

Thu nhập tiền lãi từ cho vay	1.772.791.545	2.256.280.143
Doanh thu bán hàng hóa	153.143.192.923	121.175.193.490
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.891.624.480	285.757.116
Mua hàng hóa và dịch vụ	188.839.808	7.187.872.141
Thu hồi gốc cho vay nguồn vốn vay ADB	2.300.271.562	2.061.557.326
Lãi và phí của khoản cho vay lại nguồn vốn vay ADB	3.665.352.167	4.188.676.220
Phí gia công	1.049.357.615	716.389.405

Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài

Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.809.524	100.000.000
----------------------------	-----------	-------------

Công ty Cổ phần Dệt May Huế

Doanh thu cung cấp dịch vụ	170.802.866	103.085.130
Thu hồi gốc cho vay nguồn vốn vay ADB	1.388.885.304	1.252.468.240
Lãi và phí của khoản cho vay lại nguồn vốn vay ADB	2.214.036.948	2.530.147.977
Thu nhập tiền lãi từ cho vay	-	468.639.999
Thu hồi gốc cho vay	-	11.600.000.000
Mua hàng hóa	210.329.583	145.151.388

Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Phương

Doanh thu cho thuê	617.884.115	4.278.133.968
Nhận điều chuyển tài sản cố định	757.100.000	-
Mua hàng hóa dịch vụ	1.706.412.000	568.804.000

Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex

Thu hồi gốc cho vay đã trả hộ	-	10.284.500.000
Bán hàng hóa	55.000.000	-
Lợi nhuận được chia	937.224.113	-

Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex

Doanh thu khác	-	30.000.000
----------------	---	------------

Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Xuân

Doanh thu bán hàng hóa	3.262.176.285	11.979.652.630
Doanh thu cung cấp dịch vụ	280.237.796	403.580.921
Thu nhập tiền lãi từ cho vay	803.000.187	945.945.820
Thu hồi gốc cho vay	3.085.691.821	2.550.158.530
Thu hồi gốc cho vay nguồn vốn vay ADB	1.029.235.142	925.481.476
Lãi và phí của khoản cho vay lại nguồn vốn vay ADB	1.639.778.706	1.873.898.593
Chi phí thuê tài sản	1.090.909.090	-
Mua hàng hóa dịch vụ	660.067.989	1.509.800.758

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)***Giá trị giao dịch****Kỳ sáu tháng kết thúc ngày****30/6/2026****30/6/2025****VND****VND****Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối**

Doanh thu cung cấp dịch vụ	25.000.000	-
Doanh thu cho thuê	2.626.456.200	2.803.025.300
Mua cổ phần	70.890.000.000	-

Các công ty liên kết**Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vinatex**

Cổ tức được chia	9.652.500.000	3.861.000.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	705.000.000	684.725.610
Giao dịch khác	86.304.374	-

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Cổ tức được chia	-	5.913.000.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	86.904.762	30.000.000
Doanh thu bán hàng hóa	-	539.274.750

Tổng Công ty May 10 – CTCP

Cổ tức được chia	15.341.097.000	5.113.699.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	422.609.534	397.356.184
Mua hàng hóa	6.375.539.131	8.271.877.427

Công ty Cổ phần Thời trang Hanosimex

Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	388.002.100	395.391.867
Mua hàng hóa	1.157.584.072	1.151.265.374

Công ty Cổ phần May Hữu Nghị

Cổ tức được chia	13.906.784.000	10.430.088.000
Doanh thu bán hàng hóa	50.000.000	-

Công ty Cổ phần May Bình Minh

Cổ tức được chia	1.984.500.000	1.984.500.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	328.360.334	256.098.505
Mua hàng hóa	249.747.316	160.830.091

Công ty Cổ phần May Đáp Cầu

Cổ tức được chia	3.281.460.000	2.461.095.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	60.000.000	30.000.000

Tổng Công ty Đức Giang – CTCP

Cổ tức được chia	-	4.753.833.000
Mua hàng hóa	3.567.115.686	17.169.027.455

Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến

Cổ tức được chia	26.811.840.000	20.108.880.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.868.979.828	1.576.565.441
Mua hàng hóa	3.425.616.546	2.954.136.110

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)***Giá trị giao dịch****Kỳ sáu tháng kết thúc ngày****30/6/2026****30/6/2025****VND****VND****Tổng Công ty May Hưng Yên – CTCP**

Cổ tức được chia

10.245.843.000

3.415.281.000

Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ

102.083.333

-

Công ty Cổ phần May Nam Định

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

203.368.233

144.834.014

Mua hàng hóa

543.270.925

397.982.499

Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP

Cổ tức được chia

-

10.080.000.000

Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ

1.083.819.876

824.016.477

Mua hàng hóa

1.990.611.851

2.417.435.370

Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng

Cổ tức được chia

-

1.800.000.000

Công ty Cổ phần Dệt Gia dụng Phong Phú

Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ

63.715.500

63.008.806

Mua hàng hóa và dịch vụ

192.660.814

182.268.824

Công ty Cổ phần Dệt lụa Nam Định

Cổ tức được chia

1.066.406.000

1.066.406.000

Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ

1.142.857

-

Công ty Cổ phần Sợi Phú Nam

Cổ tức được chia

1.276.880.282

-

Công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ**Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP**

Doanh thu bán hàng hóa

13.716.877.863

26.418.608.382

**Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của
người quản lý chủ chốt****Thành viên Hội đồng Quản trị**

Ông Lê Tiến Trường – Chủ tịch

525.624.400

525.624.400

Ông Trần Quang Nghị – Phó Chủ tịch

82.080.000

86.080.000

Ông Cao Hữu Hiếu – Thành viên kiêm Tổng Giám đốc

58.000.000

53.608.696

Ông Đặng Vũ Hùng – Thành viên

54.000.000

54.000.000

Ông Vũ Hồng Tuấn – Thành viên

320.802.400

320.802.400

Ông Nguyễn Xuân Đông – Thành viên

54.000.000

54.000.000

Bà Lê Ngọc Diệp – Thành viên

54.000.000

4.714.286

Cơ quan Tổng Giám đốc

Những người quản lý khác

2.402.214.317

2.555.779.293

Ban Kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát

488.852.909

459.373.798

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)***44. Thông tin so sánh**

Ngoại trừ các số liệu được trình bày lại dưới đây, thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2026 được mang sang từ số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và các thuyết minh liên quan được mang sang từ số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Như đã trình bày trong Thuyết minh số 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 Tập đoàn Dệt May Việt Nam áp dụng Thông tư 99 và thay đổi trên cơ sở phi hồi tố chính sách kế toán đối với một số khoản mục. Do việc thay đổi chính sách kế toán này, một số thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2026 đã được phân loại lại. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

Báo cáo tình hình tài chính riêng

	1/1/2026 (Đã phân loại lại)		1/1/2026 (Theo báo cáo trước đây)	
	Mã số	VND	Mã số	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	1.472.623.514.862	123	1.400.005.350.420
Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	135	52.745.265.687
Phải thu ngắn hạn khác	135	161.078.236.345	136	180.951.135.100
Phải thu về cho vay dài hạn		-	215	1.011.445.310.836
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265	1.056.805.310.836	255	45.360.000.000
Phải trả cổ tức	313	150.491.952.225		-
Phải trả ngắn hạn khác	320	13.852.011.722	319	164.343.963.947
Vốn khác của chủ sở hữu	414	561.784.993.086	414	-
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		-	422	543.092.845.095
Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định		-	432	18.692.147.991

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

Người lập

Nguyễn Thị Nga
Phó Ban Tài chính Kế toán

Trưởng Ban Tài chính Kế toán

Nguyễn Ngọc Cách
Trưởng Ban Tài chính Kế toán

Người đại diện theo pháp luật

Cao Hữu Hiệu
Tổng Giám đốc